

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN DÂN TỘC

Số: 136 /BDT-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2018

V/v phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp
thực hiện Chương trình phát triển KT-
XH vùng đồng bào DTTSMN và
Chương trình 135 năm 2018

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh về bổ sung có mục tiêu năm 2018 cho các huyện, thị xã, thành phố, Ban Dân tộc phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện các nội dung: tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đồng bào DTTS; hỗ trợ phát triển sản xuất và thực hiện chính sách an sinh xã hội thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, miền núi, với tổng kinh phí thực hiện là 9,000 tỷ đồng (Chi tiết Phụ lục 1 đính kèm).

Riêng Chương trình 135, Sở Tài chính đã có văn bản tham mưu UBND tỉnh tạm thời cân đối nguồn kinh phí phân bổ đợt 1 là 2,7 tỷ đồng (UBND tỉnh chưa có quyết định); phần kinh phí còn lại 5,698 tỷ đồng, khi có nguồn Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh phân bổ đợt 2. Vì vậy, Ban Dân tộc phân bổ kinh phí thực hiện các nội dung: hỗ trợ phát triển sản xuất và duy tu bảo dưỡng công trình cho các huyện, thị xã, thành phố như sau:

- | | |
|----------------------|---------------------|
| - Huyện Khánh Vĩnh | : 735,5 triệu đồng; |
| - Huyện Khánh Sơn | : 735,5 triệu đồng; |
| - Huyện Cam Lâm | : 685,5 triệu đồng; |
| - Thị xã Ninh Hòa | : 127,0 triệu đồng; |
| - Thành phố Cam Ranh | : 127,0 triệu đồng; |
| - Ban Dân tộc | : 289,5 triệu đồng. |

(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).

Ban Dân tộc tỉnh đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định của UBND tỉnh để phân bổ, sử dụng đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng DT cấp huyện;
- Lưu: VT, KH.

TRƯỞNG BAN
BAN DÂN TỘC


Dặng Văn Tuấn



KẾ HOẠCH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 ĐỢT 1, NĂM 2018
(Phụ lục kèm theo Công văn số 136 /BDT-KH, ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban Dân tộc)
Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Địa phương	Tổng	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất	Dự án nâng cao năng lực	Duy tu bảo dưỡng: 6,3% vốn đầu tư CSHT	Chi phí quản lý: 0,5 % tổng kinh phí (tỉnh: 0,15%; huyện: 0,15%; xã: 0,2%)
	Tổng	2.700,0	1.950,0	275,3	428,4	46,3
I	Huyện Khánh Vĩnh	735,5	600,0	0,0	126,0	9,5
1	Xã Sơn Thái	363,0	300,0		63,0	
2	Xã Giang Ly	363,0	300,0		63,0	
II	Huyện Khánh Sơn	735,5	600,0	0,0	126,0	9,5
1	Xã Thành Sơn	363,0	300,0		63,0	
2	Xã Ba Cùm Nam	363,0	300,0		63,0	
III	Huyện Cam Lâm	685,5	550,0	0,0	126,0	9,5
1	Xã Sơn Tân	363,0	300,0		63,0	
2	Thôn Văn Sơn, Văn Thủy 2, xã Cam Phước Tây	125,2	100,0		25,2	
3	Thôn Suối Lau 1,2,3 xã Suối Cát	187,8	150,0		37,8	
IV	Thị xã Ninh Hòa	127,0	100,0	0,0	25,2	1,8
1	Thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	62,6	50,0		12,6	
2	Thôn Suối Sâu, xã Ninh Tân	62,6	50,0		12,6	
V	TP. Cam Ranh	127,0	100,0	0,0	25,2	1,8
1	Thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông	62,6	50,0		12,6	
2	Thôn Sông Cạn Trung, xã Cam Thịnh Tây	62,6	50,0		12,6	
VI	Ban Dân tộc	289,5	0,0	275,3	0,0	14,2

C.N

N
TỘ

NH



KẾ HOẠCH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT - XH MIỀN NÚI NĂM 2018
(Phụ lục kèm theo Công văn số: 136/BDT-KH ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	DANH MỤC	Tổng số	Huyện Khánh Vinh		Huyện Khánh Sơn		Huyện Cam Lâm		Thành phố Cam Ranh		Thị xã Ninh Hòa		Huyện Diên Khánh		Ban Dân tộc
			KLCV	NST hộ trợ	KLCV	NST hộ trợ	KLCV	NST hộ trợ	KLCV	NST hộ trợ	KLCV	NST hộ trợ	KLCV	NST hộ trợ	
A	Tổng công	9.000,0	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số	477,0		90,0		60,0		30,0		24,0		24,0		14,0	235,0
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất	5.135,0		1.676,0		958,0		958,0		479,0		479,0		239,0	46,0
a	Xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất	4.560,0		1.596,0		912,0		912,0		456,0		456,0		228,0	
	- Xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất	4.560,0		1.596,0		912,0		912,0		456,0		456,0		228,0	
	- Chi phí quản lý 6% (tính: 1%, huyện: 2%, xã: 3%)	275,0		80,0		46,0		46,0		23,0		23,0		11,0	46,0
b	Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, thăm quan học tập	300,0													300,0
3	Thực hiện chính sách an sinh xã hội	3.225,0		1.000,0		1.700,0		525,0		0,0		0,0		0,0	
	- Hỗ trợ lắp đặt đường ống dẫn nước vào hộ gia đình	975,0				450,0		525,0							
	- Lắp đặt đường ống dẫn nước cho 300 hộ														
	- Hỗ trợ đào giếng	2.250,0	Khoan giếng và xây bể chứa làng học	1.000,0		1.250,0									
4	Chi phí quản lý Chương trình	163,0		35,0		30,0		18,0		11,0		12,0		8,0	49,0
	- Cấp tỉnh: 0,15%	49,0													
	- Cấp huyện: 0,35%	114,0		35,0		30,0		18,0		11,0		12,0		8,0	49,0